

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HSST

Ngày: 11/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO
-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Ngọc Hạnh.**
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông Nguyễn Trung Trực.**
 - 2. Ông Châu Vũ Bình.**
- Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thanh Trinh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: **Bà Đinh Thị Tuyết Hằng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23 /HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

- 1. Họ và tên: Bùi Văn V**, Sinh ngày: 24/9/1989; Nơi sinh: tỉnh L;
Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L; Nghề nghiệp: thợ sửa điện cơ; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Bùi Văn B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Bị cáo chưa có con; Tiền sự: không; Tiền án: 02; Ngày 02/03/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2012/HS-ST. Ngày 25/6/2012, Toà án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm theo Bản án số: 118/2012/HSPT, giữ nguyên Bản án số 02/2012/HS-ST ngày 02/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L. Bị cáo đã chấp hành xong. Ngày 22/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2015/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2017. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/01/2018, bị bắt tạm giam ngày: 12/01/2018.
- 2. Họ và tên: Bùi Thanh T** (Tên gọi khác: B); Sinh ngày: 11/9/1988; Nơi sinh: tỉnh L; Nơi cư trú: Ấp B, Thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1955, và Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày: 01/01/2018, bị bắt tạm giam ngày: 10/01/2018.
- 3. Họ và tên: Phạm Duy K** (Tên gọi khác: Hon), Sinh năm: 1987, tại tỉnh L; Nơi cư trú: Ấp B, Thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1964 và Bà Trần Thị U sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Phạm Thị Bích Vân K, sinh năm: 1991 và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

1/ Anh Lê Hoàng C, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (Có mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C tỉnh T (Vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (Vắng mặt).

* Người làm chứng:

1/ Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C tỉnh T (Vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (Vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1958, ngụ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền tiêu xài nên Bùi Thanh T và Bùi Văn V đã thực hiện vụ trộm cắp 02 xe mô tô tại địa bàn huyện C, tỉnh T, cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất:**

Vào khoảng 18 giờ ngày 25/11/2017, anh Lê Hoàng C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ, đen, biển số 63T1-7931, xe do vợ anh là chị Nguyễn Thị Trúc L đứng tên sở hữu, nhưng anh trực tiếp quản lý, sử dụng, về nhà tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T, do mẹ ruột anh tên Nguyễn Thị K là chủ hộ. Khi vào nhà, anh C dựng xe mô tô ở hàng tư trước nhà, chìa khóa để trên xe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh C trở ra phát hiện xe mô tô biển số 63T1-7931 bị mất, theo anh C khai trong cốp xe có 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63T1-7931 mang tên Nguyễn Thị Trúc L và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoàng C.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện C xác định: Bùi Thanh T và Bùi Văn V đã thực hiện vụ trộm cắp xe mô tô trên. Cụ thể như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/11/2017, V điện thoại rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. V điều khiển xe mô tô loại Dream, màu nâu (không rõ biển số) đến địa bàn ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T thì phát hiện ngoài hàng tư nhà của bà Nguyễn Thị K có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen, biển số 63T1-7931, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Vũ kêu T dừng xe lại để lấy trộm thì T đồng ý. Khi đó V trực tiếp vào lấy trộm xe mô tô, còn T đậu xe cách 10 mét để cảnh giới. Sau khi trộm, V điều khiển xe mô tô Sirius biển số 63T1-7931, T điều khiển xe mô tô Dream chạy về nhà V tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L. V cà số khung, số máy và thay biển số 59L2 – 360.88 vào xe Yamaha Sirius màu đỏ, đen đã trộm.

Ngày 27/11/2017, Vũ điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ, đen trộm được, đã thay biển số 59L2 – 360.88 đến quán cà phê Góc Phố, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh L để bán cho Phạm Duy K với giá 3.000.000 đồng. Tại quán cà phê lúc này có T, V và K. Khi bán, V nói với K là xe không có giấy đăng ký xe nên bán rẻ. Lúc này, K nghi ngờ xe mô tô do V trộm cắp mà có, nhưng do thấy xe còn mới và giá lại rẻ nên K đồng ý mua. Sau khi thỏa thuận xong, K kêu V điều khiển xe Sirius biển số 59L2-360.88 về nhà của K, T cũng theo về nhà K. Khi đến trước cửa nhà, K tiếp

tục hỏi V nguồn gốc xe ở đâu, vì sao lại có giá rẻ thì V trả lời xe Yamaha Sirius do V trộm, đã cà số máy, số sườn, đã thay đổi biển số, K cứ yên tâm sử dụng. Nghe V nói vậy nên K đồng ý mua xe mô tô Sirius biển số 59L2-360.88 và dẫn xe vào nhà, còn T chở V về bằng xe mô tô của T. Khoảng 02 ngày sau, K có trả cho V trước số tiền 500.000 đồng, còn thiếu 2.500.000 đồng đến nay chưa trả.

Đến ngày 01/01/2018, Bùi Thanh T mượn xe mô tô Sirius trên của K điều khiển đi trộm cắp tài sản cùng Bùi Văn V tại ấp T, xã T, huyện C thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C bắt giữ.

*** Vụ thứ hai:**

Khoảng 19 giờ ngày 01/01/2018, anh Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô hiệu Honda loại Airblade, biển số 60B3-011.53 dựng trước sân nhà mẹ vợ là Trần Thị Tuyết L, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Khi đó xe có khoá cổ, đầu xe mô tô quay vào nhà, đuôi xe mô tô quay ra lộ nhựa liên ấp. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, bà L nghe có tiếng đá chân chống xe mô tô nên ra xem thì phát hiện 01 thanh niên mặc áo màu đen, đội nón kết màu đen đang lấy trộm xe. Bà L truy hô thì đối tượng bỏ chạy.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C xác định Bùi Thanh T và Bùi Văn V đã thực hiện vụ trộm cắp xe mô tô trên. Cụ thể như sau:

Khoảng 18 giờ ngày ngày 01/01/2018, V điện thoại rủ T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, T đến nhà Phạm Duy K mượn xe mô tô Yamaha Sirius biển số 59L2 – 360.88 mà V bán cho K, để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, khi mượn T nói đi công việc, không nói cho K biết đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô 59L2 – 360.88 đến nhà V chờ V đến quán cà phê Góc Phố toạ lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Tại đây, V mở cốp xe Sirius ra bỏ 01 biển số 70E1- 266.69 và 01 túi nilon, bên trong có 01 áo sơ mi dài tay sọc caro đen, nền trắng, hiệu Suboy. Sau đó, V điều khiển xe mô tô Sirius trên chở T đi từ thị trấn T, huyện T đến địa bàn huyện C để tìm tài sản trộm.

Khi đến ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T, V và T phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda loại Airblade, biển số 60B3 – 01153 của anh Nguyễn Văn G đang dựng tại sân nhà mẹ vợ tên Trần Thị Tuyết L, đầu xe mô tô quay vào nhà, đuôi xe quay ra lộ. V chạy qua khỏi nhà bà L khoảng 10 mét thì dừng xe lại, treo nón bảo hiểm trên xe và đi bộ vào sân nhà bà L lấy trộm xe mô tô biển số 60B3 – 01153, còn T ở bên ngoài cảnh giới. Khi V đang lấy trộm thì bị bà L phát hiện, truy hô nên V và T bỏ chạy. Khoảng 20 phút sau, V điện thoại kêu T quay trở lại rước V. Trên đường T quay lại rước V thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C bắt giữ cùng vật chứng là 01 xe mô tô Sirius, biển số 59 L2 – 360.88.

*** Vật chứng trong vụ án:**

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện C đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda loại Airblade, màu đỏ - bạc – đen, biển số 60B3 – 01153.

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, số máy sau giám định: xxx...4117; Số khung sau giám định: RLCxxxxx0-Ayx34x11;

+ 01 biển số xe 59L2-360.88;

+ 01 biển số xe 70E1-266.69;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 Pro, màu vàng đồng, số IMEI: 356446/08/782918/5;

- + 01 áo khoác dài tay, màu nâu, hiệu FU – SHI;
- + 01 áo sơ mi dài tay, sọc ka rô đen, nền trắng hiệu Suboy;
- + 01 mũ bảo hiểm màu trắng, nhãn hiệu NIKE;
- + 01 mũ bảo hiểm màu đỏ sọc trắng, nhãn hiệu LA.
- + 01 ống phuột sau, lò so nhún, ống phuột sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước OS, mặt sau chữ OK 28;
- + 01 ống phuột sau, lò so nhún, ống phuột sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0N, mặt sau chữ OK 30.

Tại Bản Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T đã truy tố các bị cáo:

Bị cáo Bùi Văn V bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Bùi Thanh T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Duy K bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn V, Bùi Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Duy K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: phạt bị cáo Bùi Văn V từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: phạt bị cáo Phạm Duy K từ 5.000.000 (Năm triệu) đồng đến 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trao trả cho anh Lê Hoàng C 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, số máy sau giám định: xxx...4117; Số khung sau giám định: RLCxxxxxx0-Ayx34x11,.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 Pro, màu vàng đồng, số IMEI: 356446/08/782918/5.

+ Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 áo khoác dài tay, màu nâu, hiệu FU – SHI; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ka rô đen, nền trắng hiệu Suboy; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, nhãn hiệu NIKE; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ sọc trắng, nhãn hiệu LA; 01 ống phuột sau, lò xo nhún, ống phuột sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0S, mặt sau chữ 0K 28; 01 ống phuột sau, lò xo nhún, ống phuột sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0N, mặt sau chữ 0K 30.

+ Giao cho Cơ quan điều tra - Công an huyện C 01 Biển số 59L2 – 360.88 và 01 Biển số 70E1 – 266.69 để tiếp tục điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn V nộp 500.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại Lê Hoàng C, Nguyễn Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về lời khai và hành vi của các bị cáo:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn V và Bùi Thanh T khai nhận do cần tiền tiêu xài các bị cáo đã thực hiện vụ trộm cắp 02 xe mô tô tại địa bàn huyện C, tỉnh T, cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/11/2017, V và T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen, biển số 63T1-7931 của anh Lê Hoàng C đang dựng trước nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị K tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Sau đó V cạo số máy, số sườn, đồng thời thay đổi biển số 63T1-7931 bằng biển số 59L2 – 360.88 và bán chiếc xe trên lại cho Phạm Duy K với giá

3.000.000 đồng, khi bán tại quán cà phê Góc Phố có mặt bị cáo K và bị cáo T. V có nói với K xe không có giấy đăng ký xe nên bán rẻ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy K khai nhận không có hứa hẹn trước với bị cáo Bùi Văn V nhưng có mua của bị cáo V 01 chiếc xe Yamaha Sirius màu đỏ, đen, biển số 59L2 – 360.88, xe không có giấy tờ với giá 3.000.000 đồng. Khi mua tại quán cà phê Góc Phố có mặt bị cáo V, T và K. Bị cáo K có nghi ngờ xe mô tô do V trộm cắp nên đã hỏi V thì V cho biết xe do V trộm, đã cào sỗ máy số sườn, đã thay đổi biển số 63T1-7931 thay biển số 59L2 – 360.88, nên K đồng ý mua. Bị cáo K có trả cho bị cáo V trước số tiền 500.000 đồng, còn thiếu 2.500.000 đồng đến nay chưa trả.

* Vụ thứ hai: khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 01/01/2018, V mượn K xe Yamaha Sirius màu đỏ - đen 59L2 – 360.88 (là xe 63T1-7931 V đã bán cho K) cùng T đi trộm cắp 01 xe Airblade, biển số 60B3-011.53 của anh Nguyễn Văn G dựng trước sân nhà mẹ vợ tên Trần Thị Tuyết L tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Khi V đang thực hiện hành vi trộm cắp thì bị bà L phát hiện, V và T bỏ chạy, sau đó khi T quay lại rước V thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C bắt giữ cùng vật chứng là 01 xe Yamaha Sirius màu đỏ, đen, biển số 59 L2 – 360.88.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình tố tụng, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về Kết luận giám định và Kết luận định giá tài sản :

Tại Kết luận giám định số 50/GĐ-PC54 (D9) ngày 08/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu đỏ - đen:

+ Số khung trước giám định: Mài mòn.

Số khung sau giám định: RLCxxxxx0-Ayx34x11 (x là ký hiệu ký tự chữ số bị mài mòn)

+ Số máy trước giám định: Mài mòn.

Số máy sau giám định: xxx...4117 (x là ký hiệu ký tự chữ số bị mài mòn).
BL: 169

Theo Biên bản định giá tài sản số 120/BB ngày 29/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu đỏ, đen, biển số 63T1-7931, số máy: 354117, số khung: 354111 có giá trị 7.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 09/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu Honda loại Airblade, màu đỏ, bạc, đen, biển số 60B3 – 01153 có giá trị 16.000.000 đồng.

[4] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Từ những chứng cứ trên đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Bùi Văn V và Bùi Thanh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi của bị cáo Phạm Duy K đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Điều luật áp dụng:

Bị cáo Bùi Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017; Bị cáo Bùi Thanh T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Phạm Duy K bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo V: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì điểm c khoản 2 Điều 138 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm và theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì điểm g khoản 2 Điều 173 cũng có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm nên Hội đồng xét xử có xem xét và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo V nhằm bảo đảm thực hiện đúng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo T: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khoản 1 Điều 138 có khung hình phạt tù cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm và theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì khoản 1 Điều 173 cũng có khung hình phạt tù cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nên Hội đồng xét xử có xem xét và áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo T nhằm bảo đảm thực hiện đúng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo K: Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khoản 1 Điều 250 có khung hình phạt tù phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm và theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì khoản 1 Điều 323 có khung hình phạt tù phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nên Hội đồng xét xử có xem xét và áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với bị cáo K nhằm bảo đảm thực hiện đúng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo V Và T nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo vẫn bất chấp, thể hiện sự xem thường pháp luật, các bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo K tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn tiêu thụ tài sản biết rõ do bị cáo V phạm tội mà có. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo V có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo V là người rủ rên bị cáo T trộm cắp tài sản và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên mức án của bị cáo V cao hơn bị cáo T.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét đến việc các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt thu hồi được một phần, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Bị cáo V có bà Ngoại là người có công với cách mạng, được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo T và bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T có Mẹ và Dì ruột là người có công với cách mạng; bị cáo K có ông Nội là người có công với cách mạng, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo K xét mức hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7]: Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Đối với xe mô tô hiệu Honda loại Airblade, màu đỏ, bạc, đen, biển số 60B3 – 01153: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã tiến hành trao trả cho anh Nguyễn Văn G xong.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, số máy sau giám định: xxx...4117; Số khung sau giám định: RLCxxxxx0-Ayx34x11: cần giao trả lại cho anh Lê Hoàng C.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 Pro, màu vàng đồng, số IMEI: 356446/08/782918/5 của bị cáo T: Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị cáo T khai có sử dụng điện thoại trên liên lạc với bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 áo khoác dài tay, màu nâu, hiệu FU – SHI và 01 mũ bảo hiểm màu đỏ sọc trắng, nhãn hiệu LA của bị cáo T: bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 áo sơ mi dài tay, sọc ka rô đen, nền trắng hiệu Suboy và 01 mũ bảo hiểm màu trắng, nhãn hiệu NIKE của bị cáo Vũ: : bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ống phuộc sau, lò xo nhún, ống phuộc sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0S, mặt sau chữ 0K 28; 01 ống phuộc sau, lò xo nhún, ống phuộc sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0N, mặt sau chữ 0K 30: Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị cáo K khai bị cáo tháo ra từ xe Yamaha loại Sirius V bán cho K và đã thay cặp phuộc khác, anh Lê Hoàng C không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với biển số 59L2 – 360.88: Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 04/01/2018 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt – Công an tỉnh Tiền Giang:

Biển số 59L2 – 360.88 là của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, số máy JF51E0427500, số khung RLHJF5112FY242127, do chị Trần Thị N, sinh năm 1983, ngụ , phường D, quận F, thành phố H đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra, chị N trình bày xe mô tô trên đã bị mất vào ngày 15/11/2017 tại địa bàn Phường L, Quận M, thành phố H. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã có Công văn số 58/CAH-CSĐT ngày 29/3/2018, gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công

an quận V, thành phố H phối hợp điều tra, xử lý theo thẩm quyền, nếu có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với biển số 70E1 – 266.69: Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 04/01/2018 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt – Công an tỉnh T:

Biển số 70E1 – 266.69 là của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WAVE ALPHA, màu sơn trắng, đen, bạc, số máy HC12E5705367, số khung RLHHC1216DY705334, do anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1997, ngụ ấp P, xã S, huyện D, tỉnh T đứng tên chủ sở hữu. Theo lời trình bày của anh L, xe mô tô trên đã bị mất vào ngày 24/12/2017 tại địa bàn Phường Z, quận G, thành phố H. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã có Công văn số 57/CAH-CSĐT ngày 29/3/2018, gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận G, thành phố H phối hợp điều tra, xử lý theo thẩm quyền, nếu có cơ sở sẽ xử lý sau.

Do đó cần giao cho Cơ quan điều tra - Công an huyện C 01 Biển số 59L2 – 360.88 và 01 Biển số 70E1 – 266.69 để tiếp tục điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Về Trách nhiệm dân sự: người bị hại Nguyễn Văn G đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong, không có ý kiến và yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Lê Hoàng C chỉ yêu cầu nhận lại xe Yamaha loại Sirius, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Trúc L không có ý kiến và yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền bị cáo V thu lợi bất chính 500.000 đồng, cần buộc bị cáo V giao nộp sung quỹ Nhà nước.

[9] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết vụ án và xử lý vật chứng. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn V và Bùi Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: phạt bị cáo Bùi Văn V 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: phạt bị cáo Bùi Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/ 2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: phạt bị cáo Phạm Duy K 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Bị cáo phải nộp 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trao trả cho anh Lê Hoàng C 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, số máy sau giám định: xxx...4117; Số khung sau giám định: RLCxxxxx0-Ayx34x11.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7 Pro, màu vàng đồng, số IMEI: 356446/08/782918/5.

+ Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 áo khoác dài tay, màu nâu, hiệu FU – SHI; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ka rô đen, nền trắng hiệu Suboy; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, nhãn hiệu NIKE; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ sọc trắng, nhãn hiệu LA; 01 ống phuộc sau, lò xo nhún, ống phuộc sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0S, mặt sau chữ OK 28; 01 ống phuộc sau, lò xo nhún, ống phuộc sơn màu đỏ có ký hiệu mặt trước 0N, mặt sau chữ OK 30.

+ Giao cho Cơ quan điều tra - Công an huyện C 01 Biển số 59L2 – 360.88 và 01 Biển số 70E1 – 266.69 để tiếp tục điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn V nộp 500.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2018).

* Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Hoàng C, anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

* Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C.
- Công an huyện C.
- Cơ quan CSĐTCA huyện C.
- Nhà tạm giữ huyện C.

Trần Ngọc Hạnh

- Bộ phận thi hành án phạt tù.
- Thi hành án dân sự huyện C.
- Bị cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.